

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4. Định hướng phát triển	6
5. Các rủi ro	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
2. Tổ chức và nhân sự	6
3. Tình hình tài chính	9
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	10
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	10
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	11
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2. Tình hình tài chính	11
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	11
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	12
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	12
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	12
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	13
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	13
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty	13
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	13
4. Quản trị Công ty.....	13
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13
1. Ý kiến kiểm toán	13
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	14

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Vận tải và Thuê tàu
- Tên tiếng Anh: Transport and Chartering Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 74 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 38 228915
- Số fax: 024 38 228916
- Website: www.vietfracht.vn
- Mã cổ phiếu: VFR

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu được thành lập lần đầu vào ngày 18/02/1963 với tên gọi "Tổng Công ty Vận tải ngoại thương", trực thuộc Bộ Ngoại thương. Đến năm 1984 được đổi tên là "Tổng Công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải" và được chuyển sang trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Đến năm 2006 được cổ phần hoá và niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mang tên mới từ đó đến nay là Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu. Tên viết tắt cũng là thương hiệu của Công ty tồn tại không thay đổi suốt từ ngày thành lập, từ năm 1963 - đến nay là **Vietfracht**.

Vietfracht là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế như: Tổ chức Hàng hải quốc tế và Ban-tích (BIMCO), Liên đoàn quốc tế những Hiệp hội giao nhận (FIATA), Liên đoàn những Hiệp hội quốc gia về đại lý và môi giới hàng hải (FONASBA), Hiệp hội Chủ tàu các nước thuộc Hội các nước Đông Nam Á (FASA), Diễn đàn Chủ tàu châu Á (ASF), và là một trong những thành viên sáng lập của nhiều tổ chức quốc gia như: Hiệp hội Chủ tàu Việt Nam (VSA), Hiệp hội Đại lý và môi giới hàng hải Việt Nam (VISABA), Hiệp hội Logistics Việt Nam (VLA) và Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Với hơn 50 năm hình thành và phát triển, **Vietfracht** được biết đến là một trong những công ty hàng hải hàng đầu của Việt Nam, Công ty luôn đổi mới, cải tiến chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và đạt hiệu quả cao trong SXKD. Với những thành tích đáng tự hào nêu trên, Công ty đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất/ Nhi/ Ba, Huân chương Độc lập hạng Ba, Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh chính

+ Vận tải hàng hóa bằng đường biển (bao gồm vận tải container, hàng siêu trường siêu trọng, hàng rời, hàng bách hoá theo các tuyến hàng hải trong nước và quốc tế). Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới hàng hải và các dịch vụ môi giới khác;

+ Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải hàng hoá đa phương thức bằng đường không, đường biển, đường bộ... theo sự ủy thác của chủ tàu và chủ hàng và các dịch vụ liên quan;

+ Khai thác kho bãi container, kho ngoại quan, kho trung chuyển, phân phối, thu gom hàng hóa xuất nhập khẩu và hàng hoá nội địa;

+ Kinh doanh, cho thuê văn phòng làm việc;

+ Đầu tư thành lập các công ty liên doanh liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực (nếu trên) để mở rộng mạng lưới kinh doanh; Đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác.

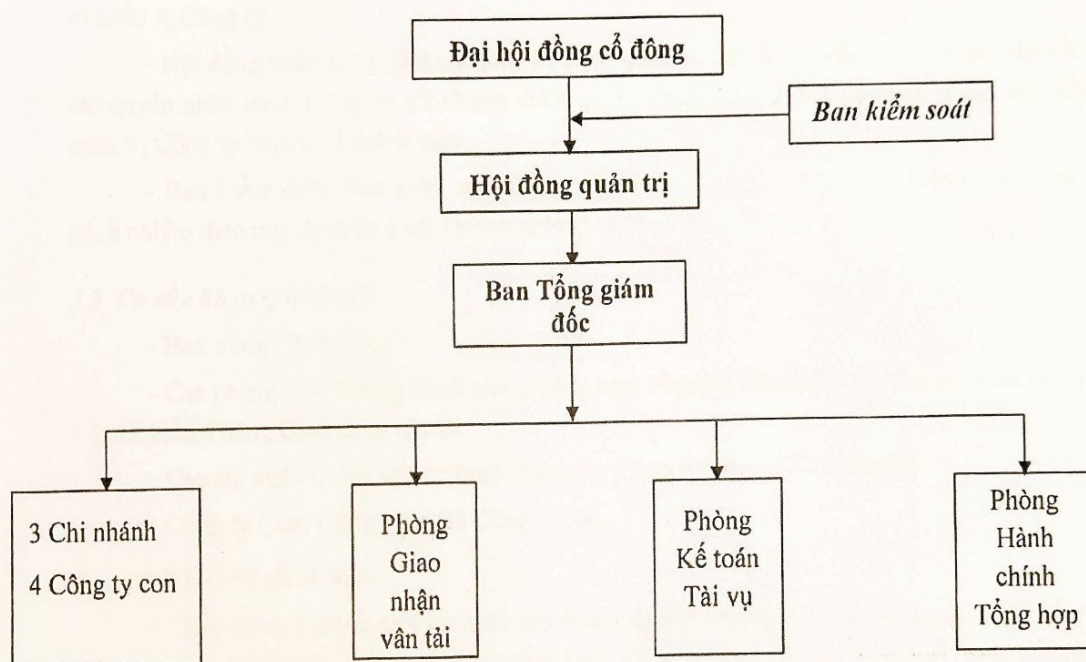
2.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng trên khắp mọi miền của đất nước, chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn hoặc thành phố - cảng biển lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh, Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Tp Vũng Tàu.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY 2023



Ghi chú:

Các Chi Nhánh:

1. Chi nhánh tại Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh tại Hải Phòng
3. Chi nhánh tại Quảng Ninh

Các Công ty Con:

Tên Công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	74 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Vận tải và thuê tàu được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị Công ty hiện có 3 thành viên.

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên, thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Tổng Giám đốc.
- Các phòng ban: Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Kế toán Tài vụ, Phòng Quản lý tàu & Vận tải biển, Phòng Giao nhận vận tải.
- Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty: Công ty hiện có 3 chi nhánh.
- Công ty Con: Công ty có 04 Công ty con.

4. Định hướng phát triển

- + Phần đầu trở thành một trong số các doanh nghiệp logistics, hàng hải uy tín, tiêu biểu, có hiệu quả cao, chất lượng dịch vụ tốt của ngành hàng hải Việt Nam, thương hiệu Vietfracht nổi bật;
- + Luôn chú trọng cải thiện điều kiện, môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;
- + Chú trọng mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để nâng cao hiệu quả kinh doanh và duy trì, phát triển hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.
- + Tích cực tham gia công tác xã hội, phần đầu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước và Xã hội.

5. Các rủi ro

Sự biến động của kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá và chính

sách phát triển chung của nền kinh tế cũng như của ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngành hàng hải Việt Nam và thế giới tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Tình trạng khan hiếm đơn hàng, giá thuê tàu và giá cước thấp diễn ra đối với tất cả các phân khúc tàu hàng khô tiếp tục kéo dài và chưa thấy dấu hiệu tích cực trở lại. Thực trạng Công ty hiện vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu, nhân sự không ổn định, nhiều biến động, cơ sở vật chất xuống cấp ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, tình hình thực hiện so với kế hoạch và năm liền kề:

Kết quả kinh doanh 2023 đạt được như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	TH 2023	KH 2023	Chênh lệch TH - KH 2023	TH 2022	Chênh lệch TH 2023 TH 2022
1, Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,07	14,69	0,38	27,68	(12,60)
2, Giá vốn hàng bán	13,92			36,12	(22,20)
3, Doanh thu HĐTC	20,14			13,73	6,41
4, Chi phí quản lý	7,91			8,05	(0,14)
5, Lợi nhuận thuần từ HĐKD	12,54	(5,08)	17,62	(9,41)	21,95
6, Lợi nhuận khác	61,59			(1,82)	63,41
7, Lợi nhuận kế toán trước thuế	74,13			(11,23)	85,36
8, Lợi nhuận kế toán sau thuế	74,13			(11,24)	85,37

+ Kết quả kinh doanh theo loại hình dịch vụ:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nội dung	Doanh thu				Lợi nhuận gộp	
	Năm 2023		Năm 2022		Năm 2023	Năm 2022
	Số tiền	Tỉ trọng	Số tiền	Tỉ trọng	Số tiền	Số tiền
HĐ vận tải biển	4,29	27,58%	16,01	56,99%	(1,09)	(11,45)
HĐ giao nhận vận tải	6,23	40,02%	6,87	24,44%	(0,10)	(0,13)
HĐ cho thuê bất động sản + khác	5,04	32,40%	5,22	18,57%	2,34	3,14
Tổng cộng	15,57	100,00%	28,10	100,00%	1,15	(8,44)

+ Vận tải biển :

Năm 2023 hoạt động vận tải biển của Công ty chỉ thực hiện 04 tháng, vì vậy doanh thu đạt 4,29 tỷ đồng, bằng 26,79% so với năm 2022. Tỷ trọng doanh thu vận tải biển chiếm 27,58% trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của toàn Công ty, trong khi năm

2022 tỷ trọng này đạt 56,99%. Năm 2023 lỗ đội tàu là 1,09 tỷ đồng, giảm lỗ 10,36 tỷ đồng so với năm 2022.

+ Dịch vụ giao nhận:

Dịch vụ giao nhận năm 2023 đạt 6,23 tỷ đồng bằng 90,68 % so với năm 2022, giảm lỗ 0,03 tỷ đồng so với cùng kỳ nhưng vẫn lỗ 0,10 tỷ đồng. Đây là một sự nỗ lực rất lớn của Ban TGD cùng phòng GNVT trong giai đoạn tái cơ cấu và tìm kiếm khách hàng mới.

+ Hoạt động khai thác/cho thuê Bất động sản:

Năm 2023, giá thuê văn phòng trên thị trường giảm do nhiều công ty phải dừng hoạt động trả mặt bằng khiến diện tích trống để cho thuê tăng cao. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng cho thuê của Công ty xuống cấp, Công tác hoàn thiện hệ thống PCCC gặp nhiều khó khăn nên rất khó đưa tài sản vào khai thác, sức cạnh tranh với các bất động sản mới hiện nay là rất thấp. Công ty đã phối hợp với đơn vị chuyên nghiệp về khai thác BĐS để tìm kiếm khách hàng đồng thời Công ty vẫn chủ động tìm kiếm khách hàng dưới mọi hình thức để tăng tỷ lệ lấp đầy. Doanh thu 2023 đạt 5,04 tỷ bằng 96,55% so với năm 2022, Lợi nhuận đạt 2,34 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành 2023:

1	Ông Bùi Trung Kiên	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2023)
2	Ông Đào Nguyên Đặng	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Vũ Thị Lan	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 18/01/2023)

Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

(1) Tổng giám đốc : Ông Bùi Trung Kiên

Sinh ngày 11/01/1964, quá trình công tác: Từ năm 1989 đến năm 1999 công tác tại Công ty SXKD Lâm sản Hòa Bình, chức vụ kế toán viên phụ trách Kế toán Chi nhánh Hà nội, từ năm 1999 đến năm 2002 đảm nhiệm Chức vụ Kế toán trưởng Công ty CBKD Lâm sản Tây Bắc. Từ năm 2002 đến 2007 giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần phát triển TN. Từ 2007 đến 2016 giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Mỹ Đức. Từ 2016 đến 2018 giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Intimex Việt Nam. Từ 2018 đến 31/10/2023 giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty công nghiệp ô tô Việt Nam – CTCP, từ ngày 01/11/2023 đến nay đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 CP

(2) Phó Tổng giám đốc: Ông Đào Nguyên Đặng

Sinh ngày 05/2/1982, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kinh tế. Từ năm 2005 đến năm 2007 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Công ty cổ phần Xây dựng Hồng Hà dầu khí, từ năm 2007 đến năm 2016 Ông đảm nhiệm Chức vụ Kế toán trưởng XN, Phó Giám đốc – Giám đốc

Công ty Thành viên Công ty Đầu tư và phát triển Hà Nội. Từ năm 2017 đến 22/11/2021 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu. Từ ngày 23/11/2021 ông được Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu. Từ ngày 01/10/2022 ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 CP

(3) Kế toán trưởng: Bà Vũ Thị Lan

Sinh ngày 09/01/1974 Cũ nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. Từ năm 2008 giữ vị trí Kế toán trưởng một số doanh nghiệp tư nhân. Từ 19/01/2023 giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 CP

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 CP

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 CP

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên. Chính sách đối với người lao động

<u>Trình độ:</u>	<u>Số lượng:</u>
------------------	------------------

Trên đại học	01
--------------	----

Đại học	14
---------	----

Tổng số	15
----------------	-----------

Chính sách lương thưởng

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Quy chế trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa

học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm hướng dẫn, giảng dạy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.

3. Tình hình tài chính

3.1 Tình hình tài chính

DVT: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	202.309.507.820	225.075.487.992	-10%
Doanh thu thuần	15.072.311.184	27.675.016.020	-46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.540.269.172	-9.407.923.715	233%
Lợi nhuận khác	61.588.392.128	-1.824.885.791	3.475%
Lợi nhuận trước thuế	74.128.661.300	-11.232.809.506	760%
Lợi nhuận sau thuế	74.128.661.300	-11.236.487.523	760%

3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	192,3%	33,6%	
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	192,3%	33,6%	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản	9,3%	51,5%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	10,3%	106%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
<input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
<input type="checkbox"/> Doanh thu thuần/Tổng tài sản	7,4%	12,3%	

4. Chi tiêu về khả năng sinh lời			
<input type="checkbox"/>	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	491,8%	-40,6%
<input type="checkbox"/>	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	404,19%	-10,3%

4. Cơ cấu cổ đông VFR chốt ngày 26/03/2024

STT	Tổ chức	Cá nhân	Trong nước	Nước ngoài	Cổ đông từ 30.000CP trở lên	Tổng số cổ đông
1	08	494	494	08	11	502

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

5.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty không có hoạt động sản xuất.

5.2 Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: sử dụng nguồn điện lưới quốc gia.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không có.

5.3 Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Hà Nội cung cấp.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

5.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

5.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
Số lượng người lao động trong Công ty đến 31/12/2023 là: 15 người. Thu nhập bình quân: 13,7 tr/người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty đã đảm bảo thực hiện đúng, đủ và giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho CBNV của Công ty, cụ thể như sau:

Công ty đã đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty theo đúng quy định. Ngoài ra tham gia bảo hiểm con người cho toàn thể CBCNV.

Giải quyết kịp thời, đúng, đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động và các chế độ khác cho người lao động khi ốm đau, nghỉ dưỡng sức, thai sản, hưu trí, thôi việc.

Giải quyết thôi việc cho người lao động khi đơn phương chấm dứt HĐLĐ đúng chế độ và thủ tục quy định. Hướng dẫn thủ tục hưởng chế độ trợ cấp thất nghiệp sau khi người lao động chấm dứt HĐLĐ.

Khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

c) *Hoạt động đào tạo người lao động*

Thực hiện chế độ đào tạo chuyên môn nâng cao nghiệp vụ cho người lao động.

Tập huấn kiến thức phòng cháy chữa cháy hàng năm cho cán bộ nhân viên phòng Kho vận và các CBNV khác có liên quan.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với sự chỉ đạo sát sao của cơ quan quản lý, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng sự cố gắng nỗ lực, đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên để lo việc làm và thu nhập cho người lao động, tuy nhiên do sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường kinh doanh vận tải biển và dịch vụ Logistics nên ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2023.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 như sau: Doanh thu thuần là 15.072.311.184 VND đạt 102,59 % kế hoạch năm, Lợi nhuận trước thuế là 74.128.661.300 VND, tăng 760% so với năm 2022.

2.Tình hình tài chính

Tình hình tài sản:

Công ty kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tình hình tài sản có biến động theo chiều hướng gia tăng về giá trị và hiệu quả sử dụng tài sản.

Công ty đã thường xuyên, định kỳ đối chiếu công nợ, đơn đốc thu hồi công nợ phải thu, đánh giá các khoản nợ phải thu quá hạn để trích lập dự phòng phải thu theo quy định...

Tình hình nợ phải trả:

Công nợ phải trả của Công ty chủ yếu là công nợ phải trả ngắn hạn, Công ty thực hiện thanh toán cho các khách hàng theo đúng thời hạn quy định.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2023 Công ty đã hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn và hiệu quả, bố trí nhân sự Công ty và Chi nhánh phù hợp với điều kiện kinh doanh và quy mô Công ty.

4.Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục ưu tiên tập trung đầu tư phần đầu là doanh nghiệp logistics, hàng hải uy tín, tiêu biểu, hiệu quả và có thương hiệu Vietfracht nổi bật.

Để ổn định và phát triển hoạt động kinh doanh cần nâng cao chất lượng các nguồn lực Nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ quản lý.

Cơ cấu tuyển dụng nhân lực, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho CBNV đặc biệt là đội ngũ kinh doanh.

Tăng cường hợp tác lâu dài và phát triển cùng các đối tác, nhà cung cấp hiện tại và thu hút các nhà cung ứng mới bằng đáp ứng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Tăng cường công tác quản lý theo quy định nhà nước, ngành và Công ty.

Tăng cường công tác kiểm soát thu hồi công nợ, kiểm soát chi phí, sử dụng vốn hiệu quả.

Rà soát, sửa đổi và bổ sung để hoàn thiện các quy trình, quy chế, quy định liên quan đến các hoạt động của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật và mô hình hoạt động của Công ty.

Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, đoàn kết người lao động, tăng cường sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV nhằm tạo sự gắn kết lâu dài giữa người lao động với Công ty góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Trong BCTC kiểm toán năm 2023, kiểm toán viên có ý kiến chấp thuận toàn phần với Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã sử dụng và tiêu thụ điện, nước một cách tiết kiệm và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động trong Công ty đa số được đào tạo đúng chuyên môn và có ý thức trong công việc, tuân thủ, chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước, các nội quy quy định của Công ty... nên góp phần vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty cũng như góp phần vào việc xây dựng thương hiệu Vietfracht. Công ty tuân thủ các chính sách, chế độ cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước cũng như quan tâm đến các chính sách phúc lợi cho người lao động tạo sự gắn kết lâu dài giữa người lao động với Công ty.
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn hiểu rõ về trách nhiệm của Công ty với cộng đồng, tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023 với nhiều khó khăn thách thức, Công ty đã luôn nỗ lực, cố gắng để đảm bảo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu, lo việc làm và thu nhập cho người lao động. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực phấn đấu của các cán bộ quản lý cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty để vượt qua khó khăn đạt được kết quả trên.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, điều hành Công ty theo đúng



4

quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT; đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, tuân thủ pháp luật cũng như đóng góp các hoạt động xã hội; quan tâm hoạt động của công đoàn Công ty, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện mục tiêu chung, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty phấn đấu trở thành một trong số các doanh nghiệp logistics, hàng hải uy tín, tiêu biểu, có hiệu quả cao, chất lượng dịch vụ tốt của ngành hàng hải Việt Nam, tiếp tục ưu tiên tập trung phát triển thương hiệu Vietfracht nổi bật.

Để giữ vững sự ổn định và phát triển các hoạt động của Công ty, HĐQT tiếp tục giám sát cũng như chỉ đạo kịp thời, nhanh chóng việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc và đội ngũ quản lý của Công ty trong tất cả các lĩnh vực như: hoạt động kinh doanh, công tác tài chính, nhân sự, công tác đầu tư xây dựng, khai thác tài sản.

Duy trì và phát triển cùng các đối tác nhà cung cấp hiện tại bằng cách đáp ứng chất lượng dịch vụ ngày càng cao về chính sách, quy mô, nhân sự; Tìm kiếm các đối tác mới và phát triển dịch vụ logistics; Tái cơ cấu đội tàu, triển khai công tác nhân sự có hiệu quả phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty.

Tăng cường công tác quản lý theo quy định nhà nước, ngành và Công ty, làm tốt công tác quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ, bảo đảm tuân thủ các quy định, chuẩn mực pháp luật, giảm các chi phí.

Phấn đấu giữ vững sự ổn định của Công ty, đoàn kết của người lao động, tăng cường sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành, từng bước cải thiện cơ sở vật chất, điều kiện làm việc; nâng cao phúc lợi, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV.

Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các vấn đề theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

Chỉ đạo sát sao và giải quyết nhanh mọi vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện đúng kế hoạch, mục tiêu đề ra.

4. Quản trị Công ty

a) Hội đồng quản trị

+ Các thành viên Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch hội đồng quản trị - Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm
- Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Năng Tuyển
- Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Phạm Thanh Hải

+ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã triệu tập, tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và triển khai, thực hiện các nghị quyết Đại hội đã thông qua, chỉ đạo Ban Điều hành Công ty điều hành hoạt động kinh doanh có hiệu quả, giảm thiểu tối đa vướng mắc/rủi ro phát sinh.

Kết thúc năm 2023, HĐQT đã tiến hành các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua các Nghị quyết, Quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết,

Quyết định được thông qua đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT, liên quan đến một số công tác chính như sau:

- Kiện toàn nhân sự chủ chốt của Ban Điều hành Công ty, HĐQT đã thông qua việc bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhân sự có năng lực, kinh nghiệm và trách nhiệm tham gia điều hành hoạt động kinh doanh nhằm đưa kết quả sản xuất kinh doanh đạt chỉ tiêu ĐHCĐ giao.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo danh mục của Bộ tài chính, uy tín và giá chào cạnh tranh để thực hiện kiểm toán BCTC của Công Ty.

- Thông qua và ban hành các quy chế, quy định phù hợp với điều lệ, quy định pháp luật, đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong hoạt động của Công Ty, đảm bảo các quy định nội bộ được áp dụng thống nhất và hiệu quả.

b) Ban kiểm soát:

+ Các thành viên Ban kiểm soát:

- Trưởng ban - Ông Nguyễn Thanh Tuyên
- Thành viên - Bà Đặng Thị Hà Nguyên
- Thành viên - Ông Kiều Mạnh Hùng

+ Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm, các thành viên BKS đã phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty trong các lĩnh vực chính cụ thể là:

- Thực hiện rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo chương trình làm việc của BKS;

- Thực hiện thẩm định báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty, có ý kiến đóng góp để Công ty chỉnh sửa kịp thời đảm bảo báo cáo được lập theo đúng quy trình, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty;

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý;

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước.

c) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ công ty, cụ thể:

- Hội đồng quản trị (03 thành viên):

- + Chủ tịch HĐQT 4.500.000 đồng/tháng
- + Thành viên HĐQT 4.000.000 đồng/người/tháng

- Ban Kiểm soát (03 thành viên):

- + Trưởng Ban Kiểm soát 4.000.000 đồng /tháng
- + Thành viên BKS 3.200.000 đồng/người/tháng

* *Lương Ban Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định trả lương, thưởng của Công ty.*

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Năm 2023, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được

thực hiện trong năm (nếu có) với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (báo cáo kèm theo).

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

Đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch HĐQT



Khúc Thị Quỳnh Lâm

Bảng Cân đối Kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.279.432.676	33.701.637.220
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.798.644.771	6.734.836.353
1. Tiền	111		3.798.644.771	6.734.836.353
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.256.468.227	21.233.756.804
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.941.930.160	3.438.512.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.263.279.654	2.256.509.929
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.950.000.000	8.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	7.804.553.824	8.242.030.217
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(703.295.411)	(703.295.411)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.224.319.678	733.044.063
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	129.239.388	1.814.672
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.095.080.290	731.229.391
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		178.030.075.144	191.373.850.772
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		404.060.520	4.904.060.520
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	4.500.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	404.060.520	404.060.520
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định		220		12.881.074.885	21.829.503.844
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.569.316.771	14.496.075.830
	Nguyên giá	222		22.002.629.924	367.166.159.649
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.433.313.153)	(352.670.083.819)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.311.758.114	7.333.428.014
	Nguyên giá	228		7.511.097.914	7.511.097.914
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(199.339.800)	(177.669.900)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
	Nguyên giá	231		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250	V.2b	159.750.000.000	159.750.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	82.300.000.000	82.300.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	77.450.000.000	77.450.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		4.994.939.739	4.890.286.408
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.994.939.739	4.890.286.408
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		202.309.507.820	225.075.487.992

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.909.065.778	115.803.788.996
I. Nợ ngắn hạn	310		12.625.253.023	100.324.122.006
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.605.052.456	1.663.069.928
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.034.399	41.809.133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.673.662.814	6.006.594.611
4. Phải trả người lao động	314		779.249.449	796.859.756
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	385.542.906	33.042.579.620
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	152.149.399	179.975.309
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	3.908.656.847	3.622.557.520
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	-	54.734.817.337
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		81.904.753	235.858.792
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.283.812.755	15.479.666.990
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	6.283.812.755	15.479.666.990
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		183.400.442.042	109.271.698.996
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	183.400.442.042	109.271.698.996
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.023.819.131)	(77.152.562.177)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(77.152.480.431)	(65.916.074.654)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		74.128.661.300	(11.236.487.523)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202.309.507.820	225.075.487.992

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.565.826.274	28.099.035.520
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		493.515.090	424.019.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.072.311.184	27.675.016.020
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.917.335.443	36.117.585.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.154.975.741	(8.442.569.260)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.138.364.420	13.727.073.070
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	839.094.174	6.642.350.700
Trong đó: chi phí lãi vay	23		759.756.071	3.326.031.170
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.913.976.815	8.050.076.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.540.269.172	(9.407.923.715)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	63.751.853.515	156.128.884
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.163.461.387	1.981.014.675
13. Lợi nhuận khác	40		61.588.392.128	(1.824.885.791)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.128.661.300	(11.232.809.506)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	3.678.017
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>74.128.661.300</u>	<u>(11.236.487.523)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		74.128.661.300	(11.232.809.506)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.908.684.032	26.861.601.632
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		30.340.170	3.315.308.751
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(65.459.298.882)	(13.625.930.131)
- Chi phí lãi vay	06		759.756.071	3.326.031.170
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.368.142.691	8.644.201.916
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.607.308	536.408.530
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	(49.298.291)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(20.800.495.056)	(4.048.482.117)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(232.078.047)	1.164.773.891
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.217.399.541)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(159.068.001)	(415.204.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.989.290.646)	5.832.398.930
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(142.526.803)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		36.561.599.535	559.877.262
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	(17.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.550.000.000	27.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(27.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.663.563.863	15.463.041.324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		70.775.163.398	(1.419.608.217)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.734.817.337)	(16.613.800.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(54.734.817.337)</i></u>	<u><i>(16.613.800.000)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.051.055.415	(12.201.009.287)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.734.836.353	18.787.015.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.753.003	148.829.944
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>8.798.644.771</u>	<u>6.734.836.353</u>